



**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ CÔNG AN
CỤC HẢI QUAN - CỤC QUẢN LÝ
XUẤT NHẬP CẢNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

Số: **2272** /QCPH-CHQ-QLXNC

QUY CHẾ PHỐI HỢP

**Trong thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về
hải quan và xuất nhập cảnh giữa Cục Hải quan và Cục Quản lý xuất nhập cảnh**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018, Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 ngày 20/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 21/2023/QH15 ngày 22/6/2023, Luật số 30/2023/QH15 ngày 28/11/2023, Luật số 38/2024/QH15 ngày 27/6/2024, Luật số 52/2024/QH15 ngày 28/11/2024; được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 139/VBHN-VPQH ngày 05/9/2025 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 ngày 22/11/2019 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 23/2023/QH15 ngày 24/6/2023;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019 và Luật số 23/2023/QH15 ngày 24/6/2023;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014, Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023, Luật số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023, Luật số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024 và Luật số 81/2025/QH15 ngày 24/6/2025; được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 102/VBHN-VPQH ngày 26/8/2025 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022;

Căn cứ Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính Phủ quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định

chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 93/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ về quản lý, đảm bảo an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không được sửa đổi bổ tại Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính và Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 85/TTLT-BTC-BCA ngày 20/6/2016 của liên Bộ Tài chính - Công an quy định về phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực tài chính;

Căn cứ Thông tư số 79/2020/TT-BCA ngày 14/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện tạm hoãn xuất cảnh, chưa cho nhập cảnh.

Cục Hải quan - Bộ Tài chính và Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thống nhất ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hải quan và xuất nhập cảnh giữa Cục Hải quan và Cục Quản lý xuất nhập cảnh với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa Cục Hải quan - Bộ Tài chính và Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (gọi tắt là hai cơ quan) trong việc trao đổi thông tin về:

a) Tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh đối với trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với trường hợp người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật thuế theo đề nghị của cơ quan hải quan.

b) Hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; hành lý của hành khách xuất cảnh, hàng hoá xuất khẩu trên các chuyến bay quốc tế và thông tin nghiệp vụ liên quan đến chức năng nhiệm vụ của hai cơ quan.

2. Địa bàn phối hợp giữa hai cơ quan tại cảng hàng không có vận chuyển quốc tế bao gồm:

a) Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng hàng không có vận chuyển quốc tế được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

b) Phạm vi các khu vực cửa khẩu đường hàng không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không.

Điều 2. Đối tượng, mục đích áp dụng

1. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, công chức, nhân viên thuộc cơ quan Hải quan - Bộ Tài chính và cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

2. Mục đích áp dụng

a) Xây dựng cơ chế trao đổi, cung cấp thông tin quy định tại Điều 1 Quy chế này để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và phòng chống tội phạm;

b) Đáp ứng mục tiêu vận hành hiệu quả các hoạt động của cơ quan nhà nước theo Chiến lược phát triển Chính phủ số đến năm 2030 của Chính phủ;

c) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận và xử lý dữ liệu điện tử bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật và liên tục theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp trao đổi, cung cấp các thông tin liên quan đảm bảo phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp giữa hai cơ quan phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và địa bàn hoạt động của mỗi bên theo quy định của pháp luật; hiệp đồng hỗ trợ lẫn nhau, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi bên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin kết nối, chia sẻ, tích hợp thông tin, dữ liệu phù hợp với hạ tầng hệ thống thông tin của mỗi cơ quan.

3. Thông tin trao đổi giữa hai cơ quan chỉ được sử dụng trong công tác nghiệp vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế này. Đối với thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bên tiếp nhận có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Việc trao đổi, cung cấp thông tin và phối hợp giữa hai cơ quan phải đảm bảo nguyên tắc chủ động, kịp thời, hiệu quả theo quy định và được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tiễn công tác.

5. Bên cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp, nếu phát sinh vướng mắc, hai cơ quan chủ động trao đổi, thống nhất giải quyết trên cơ sở quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ của mỗi cơ quan.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin

a) Việc trao đổi, cung cấp thông tin về tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh được gửi, nhận bằng văn bản điện tử có ký số qua hệ thống kết nối, trao đổi dữ liệu của hai cơ quan hoặc bằng văn bản theo quy định.

b) Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác (văn bản, trực tiếp gặp gỡ để thông báo, trao đổi thông tin, tài liệu, hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc, cử cán bộ tham gia trực tiếp các hoạt động phối hợp...).

2. Cơ chế trao đổi, cung cấp thông tin trong trường hợp hệ thống công nghệ thông tin của hai cơ quan đã kết nối và trao đổi dữ liệu tự động

a) Việc trao đổi thông tin trong công tác tạm hoãn xuất cảnh và thông tin trước về hành khách được thực hiện tự động theo thời gian thực; trong kiểm soát an ninh, công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chống buôn lậu thực hiện khi phát sinh vụ việc.

b) Khi nhận được thông tin trao đổi về tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh, hai cơ quan phản hồi về việc nhận thành công hoặc nhận không thành công.

c) Đối soát thông tin về tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh giữa hai cơ quan: Cuối mỗi ngày làm việc, hai cơ quan thực hiện việc đối soát thông tin bao gồm số lượng gói tin truyền nhận, thông tin về nghiệp vụ tạm hoãn xuất cảnh.

Thông tin bổ sung hồ sơ, thông tin đối soát dữ liệu, thành phần dữ liệu nghiệp vụ, thành phần dữ liệu chữ ký số và công cụ hiển thị các nội dung của thông tin trao đổi và cung cấp giữa hai cơ quan được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Phần thứ hai

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Nội dung thông tin phối hợp trao đổi, cung cấp

1. Thông tin từ cơ quan hải quan

a) Thông báo tạm hoãn xuất cảnh; Thông báo gia hạn tạm hoãn xuất cảnh; Thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh theo đề nghị của cơ quan hải quan.

b) Thông tin kiểm tra hành khách, soi chiếu hành lý của hành khách, hàng hóa trên các chuyến bay quốc tế đi; dữ liệu camera trong trường hợp có yêu cầu theo vụ việc.

c) Thông tin về hành khách, tổ bay có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan; thông tin về doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu lợi dụng hoạt động xuất nhập khẩu để vi phạm pháp luật; thông tin về phương thức, thủ đoạn phạm tội liên quan đến xuất nhập khẩu khi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh yêu cầu theo từng vụ việc cụ thể xử lý vi phạm pháp luật về an ninh hàng không và xuất nhập cảnh.

2. Thông tin từ lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh

a) Thông tin hành khách xuất, nhập cảnh theo yêu cầu của cơ quan hải quan, gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số hộ chiếu, lịch sử xuất nhập cảnh của hành khách, hình ảnh, đặc điểm sinh trắc học trong trường hợp có yêu cầu theo vụ việc; trừ các trường hợp vì lý do an ninh, quốc phòng.

b) Thông tin kiểm tra soi chiếu hành lý của hành khách, hàng hóa trên các chuyến bay quốc tế đi; dữ liệu camera trong trường hợp có yêu cầu theo vụ việc.

c) Thông tin cán bộ, nhân viên của các đơn vị được phép hoạt động tại khu vực cách ly gồm: Họ tên, đơn vị, số thẻ an ninh, thời hạn có hiệu lực của thẻ an ninh và các thông tin khác trong trường hợp có yêu cầu đối với từng trường hợp cụ thể theo vụ việc; trừ các trường hợp vì lý do an ninh, quốc phòng.

d) Thông tin cảnh báo tiếp nhận từ các nguồn trong nước và nước ngoài về các phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; về hành lý xuất cảnh, nhập cảnh.

Điều 6. Tạm hoãn xuất cảnh

1. Cơ quan hải quan gửi các Thông báo tạm hoãn xuất cảnh, Thông báo gia hạn tạm hoãn xuất cảnh/hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh theo mẫu 01/XC và mẫu số 02/XC (ngoài ra còn có thêm thông tin về ngày, tháng, năm sinh; số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người thuộc diện tạm hoãn xuất cảnh, số điện thoại đường dây nóng xác minh người tạm hoãn xuất cảnh; thông tin thời hạn đối với cá nhân tạm hoãn xuất cảnh) ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 bằng văn bản hoặc qua hệ thống theo hình thức: Thông điệp dữ liệu (XML) kèm theo file pdf ký số (service API).

2. Thông tin về việc tạm hoãn xuất cảnh; gia hạn tạm hoãn xuất cảnh; hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đã được trao đổi qua phương thức điện tử thì không trao đổi qua hình thức khác. Trường hợp không thực hiện được qua môi trường điện tử thì thực hiện bằng các hình thức quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 7. Phối hợp trong quá trình soi chiếu kiểm tra chung hành lý xách tay, hành lý ký gửi của hành khách xuất cảnh

1. Hai cơ quan cùng phối hợp vận hành máy soi theo đúng quy trình và hướng dẫn của nhà sản xuất để thực hiện nhiệm vụ soi chiếu kiểm tra hành lý của hành khách xuất cảnh nhằm đảm bảo an ninh hàng không và quản lý nhà nước về hải quan.

2. Trong quá trình sử dụng thiết bị soi chiếu chung giữa soi chiếu an ninh hàng không và soi chiếu hải quan đối với hành lý xách tay, hành lý ký gửi và kiểm tra hành lý của hành khách xuất cảnh trên các chuyến bay quốc tế theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không, hai cơ quan thống nhất thực hiện như sau:

a) Trường hợp hình ảnh soi chiếu có nghi vấn vi phạm pháp luật hải quan hoặc pháp luật về an ninh hàng không, bên nào xác định nghi vấn thì bên đó được phép sử dụng lệnh trên máy để chuyển hành lý đến khu vực kiểm tra thực tế để tiến hành kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Hai cơ quan cùng phối hợp trong kiểm tra thực tế hành lý của hành khách xuất cảnh theo chức trách nhiệm vụ, quy trình của mỗi bên và các quy định của pháp luật;

c) Việc xử lý các vi phạm phát hiện trong quá trình kiểm tra tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về hải quan hoặc an ninh hàng không.

Điều 8. Phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin về vụ việc vi phạm

1. Quá trình hai bên thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao của từng Bên phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trên cùng địa bàn thuộc thẩm quyền của bên nào thì bên đó chủ trì giải quyết vụ việc.

2. Lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh trong quá trình vận hành máy soi hành lý xuất cảnh, hàng hoá xuất khẩu phát hiện hàng hoá, hành lý của hành khách xuất cảnh vi phạm pháp luật hải quan thì kịp thời thông báo và bàn giao cho cơ quan hải quan kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền.

3. Cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát phương tiện vận tải và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Luật Hải quan phát hiện vật phẩm nguy hiểm (vũ khí, chất cháy, chất nổ, bom, mìn, vũ khí sinh học, hoá học, chất phóng xạ và những vật phẩm nguy hiểm khác), đồ vật chứa vật phẩm nguy hiểm vi phạm pháp luật an ninh hàng không, xuất nhập cảnh thì kịp thời thông báo và bàn giao cho lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp phát hiện vụ việc vi phạm vừa thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan hải quan, vừa thuộc thẩm quyền xử lý của lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh giải quyết theo quy định.

5. Bên tiếp nhận thông tin vụ việc phải thông báo bằng văn bản cho bên bàn giao biết kết quả xử lý ngay sau khi kết thúc vụ việc.

6. Trong trường hợp cần sự hỗ trợ về lực lượng, phương tiện và các biện pháp nghiệp vụ của một bên thì bên kia có trách nhiệm phối hợp thực hiện trong khả năng và phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên để đảm bảo xử lý kịp thời, đúng pháp luật. Kết quả kiểm tra, kiểm soát phải được thống nhất, báo cáo lãnh đạo cấp trên của hai cơ quan.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Đầu mối trao đổi, cung cấp, đối soát thông tin

Việc trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan và lực lượng quản lý xuất nhập cảnh được thực hiện qua đầu mối các đơn vị như sau:

1. Cơ quan hải quan
 - a) Đầu mối về kỹ thuật: Ban Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan;
 - b) Đầu mối về nghiệp vụ: Ban Nghiệp vụ thuế hải quan; Chi cục Điều tra chống buôn lậu, các Chi cục Hải quan khu vực, Hải quan cửa khẩu quản lý địa bàn sân bay có chuyến bay quốc tế.
2. Lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh
 - a) Đầu mối về kỹ thuật: Phòng Ứng dụng CNTT và quản lý hồ sơ xuất nhập cảnh.
 - b) Đầu mối về nghiệp vụ: Phòng Tham mưu tổng hợp trực thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có cảng hàng không.

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm chung của hai cơ quan
 - a) Tổ chức thực hiện triển khai Quy chế này tại mỗi cơ quan;
 - b) Thống nhất tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp công nghệ, chỉ tiêu thông tin theo yêu cầu của quy chế này đảm bảo kết nối truyền nhận, khai thác dữ liệu.
 - c) Phối hợp kịp thời để xử lý khi hệ thống gặp sự cố.
 - d) Trong quá trình tổ chức thực hiện, có trách nhiệm chủ động tổ chức thu thập thông tin, phối hợp rà soát, cập nhật và thống nhất chi tiết các nội dung trao đổi, cung cấp thông tin theo Quy chế này để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của hai cơ quan.
2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

Các đơn vị được giao là đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan được nêu tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế này chịu trách nhiệm:

 - a) Đảm bảo việc trao đổi, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác giữa hai cơ quan được thông suốt, kịp thời;
 - b) Phối hợp, xử lý các vướng mắc, phản ánh của lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh kịp thời, đúng quy định;
 - c) Bảo mật việc cung cấp thông tin và nội dung thông tin, dữ liệu cung cấp theo quy định của pháp luật.
3. Trách nhiệm của lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh

Đơn vị được giao là đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin của lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh được nêu tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này chịu trách nhiệm:

 - a) Thực hiện tạm hoãn xuất cảnh; gia hạn tạm hoãn xuất cảnh; hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh khi cơ quan hải quan trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật;
 - b) Thực hiện trao đổi cung cấp thông tin theo nội dung phối hợp tại Quy chế này;
 - c) Trong quá trình thực hiện kịp thời phản hồi các vướng mắc cho cơ quan

hải quan ngay khi phát hiện ra sai sót;

d) Bảo mật việc cung cấp thông tin và nội dung thông tin, dữ liệu cung cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thông báo thay đổi

Khi có những thay đổi về cấu trúc dữ liệu hoặc nghiệp vụ công tác liên quan đến thay đổi dữ liệu, hai cơ quan cần thông báo cho nhau một cách kịp thời bằng văn bản hoặc thông qua hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa hai cơ quan.

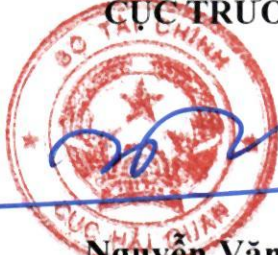
Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Cơ quan hải quan và lực lượng Quản lý xuất nhập cảnh căn cứ nội dung trao đổi thông tin và phối hợp công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, trong từng thời kỳ để xây dựng, phát triển, nâng cấp hệ thống ứng dụng thông tin và hạ tầng kỹ thuật để tự động hóa trao đổi, cung cấp thông tin giữa hai cơ quan theo hướng hiện đại, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
3. Hàng năm tổ chức sơ kết Quy chế bằng hình thức trực tiếp, luân phiên giữa hai cơ quan để đánh giá kết quả thực hiện Quy chế này.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành sửa đổi, bổ sung, thay thế, các văn bản được dẫn chiếu tại quy chế này thì thực hiện theo các văn bản mới được ban hành.

Quá trình thực hiện Quy chế nếu có phát sinh nhu cầu trao đổi, cung cấp thông tin và phối hợp công tác ngoài nội dung quy định tại Quy chế này, hai cơ quan trao đổi trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác; thống nhất bằng văn bản hoặc phối hợp nghiên cứu, sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**ĐẠI DIỆN
CỤC HẢI QUAN
CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Thọ

**ĐẠI DIỆN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
CỤC TRƯỞNG**



Trung tướng Phạm Đăng Khoa

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Công an (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách Cục QLXNC (để b/c);
- Thứ trưởng Bộ Tài chính phụ trách CHQ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý xuất nhập cảnh (để chỉ đạo thực hiện);
- Lãnh đạo Cục Hải quan (để chỉ đạo thực hiện);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh;
- Các đơn vị thuộc Cục Hải quan;
- Website: Bộ Công an, Bộ Tài chính, Cục QLXNC, CHQ;
- Lưu: VT; (CHQ: 03 bản; Cục QLXNC: 03 bản)